

Bản án số: 134/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chuộng.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị L, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Kim T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của bà Tạ Thị L, thể hiện:**

Bà L và ông Kim T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau). Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ nguyên nhân trên, bà L xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung, gồm: Kim Thị Hồng Y, sinh ngày 17/12/2012 và Kim Gia H, sinh ngày 25/5/2015 do bà L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi Hồng Y và Gia H, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Không có.

*** Đối với ông Kim T:** Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông T không có ý kiến gì về các nội dung bà L yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Tạ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Kim T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Tạ Thị L và ông Kim T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Theo bà L, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục chung sống nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T; ông T không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Hôn nhân của bà L và ông T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, bà L yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông T đều vắng mặt, thể hiện việc ông T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L ly hôn với ông T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của bà L về việc tiếp tục nuôi dưỡng Kim Thị Hồng Y và Kim Gia H, thấy rằng: Hiện nay, các cháu do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, Hồng Y và Gia H đều có nguyện vọng chung sống với bà L; trong khi đó, ông T không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của bà L; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giao các cháu cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Bà L xác định không có; ông T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L. Cho bà L được ly hôn với ông Kim T (giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2012 ngày 21/02/2012 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau).

2. Về con chung: Giao Kim Thị Hồng Y, sinh ngày 17/12/2012 và Kim Gia H, sinh ngày 25/5/2015 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; ông Kim T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0011777 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì bà L đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn